

Bài 49

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ — XÃ HỘI Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Hiểu được Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng lãnh thổ tương đối giàu tài nguyên thiên nhiên, có khả năng phát triển nền kinh tế nhiều ngành, nhưng sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng gặp khó khăn do thiên tai và hậu quả nặng nề của chiến tranh.
- Hiểu được thực trạng và triển vọng phát triển tổng hợp kinh tế biển, sự phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng của vùng.
- Hiểu được trong những năm tới, với sự phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng, với sự khai thác tốt hơn kinh tế biển, hình thành nền kinh tế mở, kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ sẽ có bước phát triển đột phá.

2. Về kỹ năng

- Phân tích các bản đồ tự nhiên, kinh tế, đọc Atlat Địa lí Việt Nam.

II – PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ treo tường Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Bản đồ treo tường Kinh tế Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
- Một số hình ảnh, video clip về tình hình phát triển kinh tế – xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Atlat Địa lí Việt Nam.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LUU Ý

- 1.** Trong Mục 1 – Khái quát chung, nêu tóm tắt các đặc điểm thế mạnh và hạn chế của Duyên hải Nam Trung Bộ, cả về tự nhiên và kinh tế – xã hội. Cần đặc biệt nhấn mạnh thế mạnh về kinh tế biển của vùng.

Khi giảng về đặc điểm tự nhiên của vùng, cần lưu ý đến đặc điểm lãnh thổ hẹp ngang, đặc điểm khí hậu Đông Trường Sơn có mùa mưa về thu đông và mùa khô khá dài. Về tài nguyên rừng của vùng, có thể thấy thêm qua bảng số liệu dưới đây.

**CƠ CẤU RỪNG PHÂN THEO CÔNG DỤNG Ở
VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, NĂM 2006**

(Đơn vị : %)

Cơ cấu	Năm 2006
Tổng số	100,0
Rừng phòng hộ	11,9
Rừng đặc dụng	54,3
Rừng sản xuất	33,8

(Theo Cục Kiểm lâm Việt Nam, tính đến 31-12-2006)

2. Nếu nhìn toàn dải Duyên hải miền Trung, thì đều thấy được vấn đề hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp. Tuy nhiên, ở Duyên hải Nam Trung Bộ, nổi lên vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển, nhất là trong những năm gần đây, thế mạnh này đã phát huy tác dụng rõ rệt.

Trước hết, có thể thấy vai trò của nghề cá biển trong nền kinh tế của vùng, trong việc giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm và tạo ra nguồn hàng xuất khẩu quan trọng.

**MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM
BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, NĂM 2005**

Địa phương	Đàn lợn (nghìn con)	Sản lượng lương thực bình quân/người (kg)	Sản lượng thuỷ sản bình quân/người (kg)
Cà Mau	27435	476,8	41,7
Duyên hải Nam Trung Bộ	2613,3	279,8	47,3
Đà Nẵng	94,9	59,2	52,2
Quảng Nam	576,5	280,7	36,4
Quảng Ngãi	576,6	326,1	71,9
Bình Định	659,4	360,2	70,9
Phú Yên	197	381,3	44,8
Khánh Hòa	138,5	131,8	71,7
Ninh Thuận	102	208,4	99,6
Bình Thuận	268,4	370,8	133,2

Sự phát triển tổng hợp kinh tế biển thể hiện ở tất cả các tỉnh, nhưng có lẽ tiêu biểu hơn cả là tỉnh Khánh Hòa. Trên một dải ven biển rất hẹp, trải dài theo đường chim bay theo hướng Bắc – Nam, chỉ khoảng 120 km có đến 3 vị trí để phát triển cảng nước sâu là vịnh Vân Phong, vịnh Nha Trang và vịnh Cam Ranh. Khánh Hòa cũng là nơi có du lịch biển – đảo rất phát triển, có vịnh Nha Trang được xếp trong danh sách 30 vịnh đẹp nhất thế giới, vùng biển Khánh Hòa giàu nguồn lợi hải sản và đây còn là tỉnh nổi tiếng về nuôi tôm hùm. GV nên hướng dẫn HS tìm kiếm các thông tin trên mạng để bổ sung vào kho các tài liệu minh họa.

3. Về vấn đề hình thành cơ cấu công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng, GV cần theo dõi các thông tin mới nhất để cập nhật, vì đây là vùng đang có rất nhiều chuyển biến.

MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ CÔNG NGHIỆP CỦA DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ (GIÁ SO SÁNH 1994)

Năm	Giá trị sản xuất công nghiệp		Giá trị sản xuất công nghiệp có đầu tư nước ngoài		
	Tỉ trọng của vùng trong cả nước (%)	Tăng trưởng (năm 1995 = 100%)	Tỉ trọng của vùng trong cả nước (%)	Tăng trưởng (năm 1995 = 100%)	Tỉ trọng trong cơ cấu công nghiệp của vùng (%)
1995	5,4	100,0	1,6	100,0	7,6
1996	5,3	113,5	1,3	97,3	6,5
1997	5,4	131,4	1,5	133,4	7,7
1998	5,3	145,2	1,4	161,8	8,5
1999	5,3	162,2	1,6	221,2	10,4
2000	5,5	195,0	1,8	295,3	11,5
2001	5,6	227,1	2,0	371,4	12,5
2002	5,6	263,9	2,1	469,2	13,5
2003	5,7	310,4	2,2	570,2	14,0
2004	5,8	369,2	2,1	648,2	13,4
2005	5,8	433,1	2,2	793,7	14,0

Nguồn : Tính toán từ Niên giám thống kê 2003, 2006.

Qua bảng số liệu có thể thấy :

- Duyên hải Nam Trung Bộ có tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu công nghiệp cả nước (năm 1995), nhưng tỉ trọng này đang tăng lên, nhờ tốc độ phát triển công nghiệp khá cao.
- Khu vực có đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng khá, phát huy tác dụng tích cực đối với sự phát triển công nghiệp của vùng và chiếm tỉ trọng đáng kể trong cơ cấu công nghiệp của vùng.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. GV cho HS xác định trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam : vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Nếu như toàn dải Duyên hải miền Trung là cầu nối giữa hai cực phát triển của đất nước là Đồng bằng sông Hồng và Đồng Nam Bộ, thì Duyên hải Nam Trung Bộ kề liền Đồng Nam Bộ, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Đồng Nam Bộ trong quá trình phát triển. GV cho HS thấy Duyên hải Nam Trung Bộ có rất nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nền kinh tế mở, với các cảng nước sâu, kín gió, sân bay quốc tế Đà Nẵng và các tuyến đường bộ chạy theo hướng Đông – Tây mở mới giao lưu với Tây Nguyên, và xa hơn tới Cam-pu-chia và Thái Lan.

2. GV cho HS khai thác các bản đồ trong Atlat (hoặc Hình 49 SGK), lập bảng tóm tắt để nêu bật vấn đề Phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ, các triển vọng và các vấn đề cần giải quyết.

3. GV có thể cho HS khai thác bảng số liệu Một số chỉ tiêu về sản xuất lương thực, thực phẩm bình quân đầu người ở Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2005 (trong SGV) và đặt câu hỏi (tương tự câu hỏi 2 ở cuối bài) : Kết hợp bảng số liệu và kiến thức trong SGK, hãy nêu thực trạng vấn đề lương thực, thực phẩm ở Duyên hải Nam Trung Bộ ? Vấn đề này cần được giải quyết bằng cách nào ?

Vấn đề lương thực, thực phẩm của vùng cần được giải quyết theo cách sau :

- Đẩy mạnh thâm canh lúa, xác định cơ cấu sản xuất theo lãnh thổ và cơ cấu mùa vụ thích hợp để vừa đảm bảo được sản xuất vừa tránh được thiên tai.
- Đẩy mạnh trao đổi các sản phẩm mà vùng có thế mạnh để đổi lấy lương thực từ vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
- Tăng thêm khẩu phần cá và các thuỷ sản khác trong cơ cấu bữa ăn.

4. Giảng mục 3 về Phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng, GV cho HS đọc bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam hoặc Hình 49 SGK (Bản đồ khai thác một số thế mạnh chủ yếu ở Duyên hải Nam Trung Bộ) để xác định :

- Các nguồn tài nguyên để phát triển công nghiệp.
- Các tuyến đường bộ, đường sắt, cảng biển, sân bay...
- Các trung tâm công nghiệp chủ yếu của vùng.

HS cần trả lời được các câu hỏi : 1. Việc tăng cường cơ sở năng lượng của vùng có ý nghĩa như thế nào và vấn đề này cần được giải quyết bằng cách nào ?
2. Tương tự đối với vấn đề phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.

GV cho HS phân tích bảng số liệu : Một số chỉ tiêu về công nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ (SGV) cũng như các thông tin mới nhất về sự phát triển công nghiệp của vùng.

GV lưu ý HS : việc hiện đại hóa và phát triển các tuyến giao thông Bắc – Nam (quốc lộ 1, đường sắt Thống Nhất, dự án đường Hồ Chí Minh), trong đó có hầm đường bộ qua đèo Ngang, hầm đường bộ qua đèo Hải Vân, đường tránh đèo Cù Mông, đi đôi với việc mở các cảng biển tạo thế mở cửa nền kinh tế và làm thay đổi quan trọng sự phân công lao động theo lãnh thổ.